

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂN SINH HỒNG BÀNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂN SINH HỒNG BÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG BANG RESIDENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HONG BANG RESIDENCE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110882315

3. Ngày thành lập: 07/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4A Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865918387

Fax:

Email: trungnguyen8268@icloud.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: Sản xuất hàng trang trí nội thất	1621
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành	1629
4.	In ấn	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: - Thiết kế các sản phẩm in như phác thảo, maket và thạch cao - Các hoạt động đồ họa khác như khắc rập khuôn, rập khuôn tem, in nổi, in dùi lỗ, chạm nổi, quét dầu và dát mỏng, kiểm tra thứ tự và sắp xếp	1812
6.	Trồng lúa	0111
7.	Trồng cây lâu năm khác	0129
8.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
9.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật, Bán buôn phân bón; bán buôn hạt giống (không tồn trữ hóa chất)	4669
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
15.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm, sản phẩm sinh học phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp	2029
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (Điều 20 Luật Hải quan 2014); - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 155 Luật Thương mại 2005)	8299
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh kho bãi)	5210
20.	Bốc xếp hàng hóa	5224
21.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619(Chính)
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu Chi tiết: Trồng cây cao su, cà phê, chè, hồ tiêu	0122

28.	Bán buôn thực phẩm (trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm)	4632
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
32.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát, sinh tố, nước hoa quả (trừ quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5630
33.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước giải khát, rượu, bia	4633
34.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm; Đóng gói đồ rắn; Dán tem, nhãn và đóng dấu; Bọc quà	8292
37.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm - (Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm)	2023
38.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn khẩu trang y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh: xà phòng, nước rửa tay, dầu gội, sữa tắm, khăn giấy; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649

40.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: Giấy ăn, giấy lau chùi; Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh; Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải.	1709
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
47.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
48.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
50.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Đại lý du lịch	7911
62.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
63.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
64.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: + Môi giới bất động sản (Điều 63 Luật kinh doanh bất động sản 2014) + Tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
65.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
66.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	8610
67.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
68.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
69.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
70.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn sức khỏe qua điện thoại	8699
71.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
72.	Giáo dục nhà trẻ	8511
73.	Giáo dục mẫu giáo	8512
74.	Giáo dục tiểu học	8521
75.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: - Nhà dành cho người già với sự chăm sóc điều dưỡng tối thiểu; - Nhà nghỉ không có sự chăm sóc điều dưỡng; - Dịch vụ chăm sóc cho người già (trừ hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công)	8730
76.	Giáo dục trung học cơ sở	8522

77.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
78.	Đào tạo đại học	8541
79.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
80.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
81.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
83.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

6. **Vốn điều lệ:** 35.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH ANH TUẤN	12/183 Sơn Lộc, Phường Trung Sơn Trầm, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	6,000	0260790014 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	6,000		

2	PHẠM THỊ HƯƠNG	Tổ dân phố An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	35.000	350.000.000	1,000	0301830198 10
			Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	1,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
3	PHẠM HÀ CHÂU	Thôn 2, Xã Định Sơn, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0303000016 34
			Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	1,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	35.000	350.000.000	1,000	
4	BÙI THỊ PHI NGÀ	Số 10 Đoàn Trần Nghiệp, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	7,000	0361620000 82
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	7,000	

5	VƯƠNG THỊ THÚY DIỆP	Thôn Bằng Nghĩa, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	030181016850
			Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	6,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	6,000	
6	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	4A đường Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	001176021376
			Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	6,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	6,000	
7	VƯƠNG NGUYỄN HẠNH	Thôn Bằng Nghĩa, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	022303002420
			Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	5,000	

8	NGUYỄN VĂN GIÁP	Tổ 37, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	037084000134
			Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	1,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	35.000	350.000.000	1,000	
9	NGUYỄN VĂN TRÀ	Phố Đỗ Xá, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	030071004971
			Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	2,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	70.000	700.000.000	2,000	
10	VƯƠNG THÀNH TRUNG	Thôn Bằng Nghĩa, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	030072005989
			Cổ phần phổ thông	2.275.000	22.750.000.000	65,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.275.000	22.750.000.000	65,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

